

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**.

2. Bà **Thái Ánh Trinh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Minh Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

ĐKTT: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông **Phan Lê Toàn H**, sinh năm 1985. (Vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 22.9.2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Lê Toàn H sau thời gian tìm hiểu tiền đến hôn nhân vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới

nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 45, quyển 01, ngày 24.02.2010. Ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, do bận công việc nên bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông, bà có hai con chung tên Phan Tuấn K (nam), sinh ngày: 22.08.2009 và Phan Tuấn A (nam), sinh năm: 01.5.2011. Khi ly hôn bà N xin quyền nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông H tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông H đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bà Lê Thị Đ – là mẹ ruột của ông Phan Lê Toàn H về quan hệ hôn nhân, con chung của bà N và ông H. Lời khai của bà Đ cung cấp phù hợp với lời trình bày của bà N.

Tại phiên tòa, Chủ tọa đã công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt và tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Lê Toàn H.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Tuấn K (nam), sinh ngày: 22.08.2009 và Phan Tuấn A (nam), sinh năm: 01.5.2011. Giao các con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim N phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Kim N và ông Phan Lê Toàn H là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà N có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông H nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Lê Toàn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Lê Thị Kim N và ông Phan Lê Toàn H.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống, dẫn đến ông bà thường xuyên cãi vã. Mặc dù, bà N và ông H đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không thể khắc phục được, từ đó hạnh phúc vợ chồng không còn. Năm 2016, bà N và ông H sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà N xác định không còn tình cảm với ông H, ông bà có thời gian dài sống ly thân ông H lại không đưa ra biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Lê Toàn H.

[4] *Về con chung*: Ông, bà có hai con chung tên Phan Tuấn K (nam), sinh ngày: 22.08.2009 và Phan Tuấn A (nam), sinh năm: 01.5.2011. Xét thấy, hiện nay các con chung đều do bà N nuôi dưỡng và bà cũng có ý kiến xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Ngoài ra, cháu K và cháu A đều có ý kiến chọn bà N là

người trực tiếp nuôi dưỡng nhằm để ổn định môi trường sống và đảm bảo điều kiện sống cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả hai con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định nên Hội đồng xét xử không buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Thị Kim N phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên án:**

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận cho bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Lê Toàn H.

2. **Về con chung**: Ông bà có hai con chung tên Phan Tuấn K (nam), sinh ngày: 22.08.2009 và Phan Tuấn A (nam), sinh năm: 01.5.2011. Giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản. Bà N, ông H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. **Về tài sản chung và nợ chung**: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm**: Bà Lê Thị Kim N phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004984 ngày 23 tháng 02

năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà N đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu